**TẬP 167**

Các vị pháp sư, các vị đồng tu, xin mời ngồi!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 434, xem từ dòng thứ Tư. Niệm lão đã dùng một đoạn văn rất dài để giới thiệu với chúng ta phần tựa đề của cái phẩm này, đây là đoạn sau cùng. Chúng ta hãy xem qua Chú giải: “**Xét đến hai bản Ngô dịch và Hán dịch, lại bị khuyết đại nguyện căn bản bậc nhất là nguyện ‘mười niệm ắt vãng sanh’**”, nguyện quan trọng nhất trong 48 nguyện chính là cái nguyện này. Nhưng trong bản Hán dịch lại không đề cập đến, mà cả bản Ngô dịch cũng không có.

Có thể thấy năm nguyên bản dịch Hán, Ngô, Ngụy, Đường, Tống, đây là các bản hiện vẫn còn tồn tại. Vào triều Hán thì Kinh Vô Lượng Thọ được truyền vào Trung Quốc; mãi cho đến triều Tống, trong khoảng thời gian 800 năm này, tổng cộng trải qua 12 lần phiên dịch, có thể nói là có rất nhiều bản dịch. 12 bản dịch này, chúng ta có thấy trong mục lục của Đại Tạng Kinh, nhưng 7 loại trong số đó đã bị thất truyền, hiện nay còn lưu lại chỉ có năm loại. Khi xem nội dung của năm bản dịch này, chúng ta rất dễ nhận ra được, nội dung của các bản dịch có sự khác biệt rất lớn. Vì thế mà cổ đại đức phán đoán rằng, chắc chắn không phải chỉ có một bản Phạn văn duy nhất, mà có rất nhiều bản tiếng Phạn. Khi truyền đến Trung Quốc thì Trung Quốc tiến hành cho phiên dịch, nên nội dung trong đó có sự không tương đồng. Chẳng hạn như cái nguyện này, nguyện “Mười Niệm Tất Sanh”, đây là nguyện quan trọng nhất trong 48 nguyện, nhưng hai bản Hán dịch và Ngô dịch lại không hề có. Điều này chứng tỏ năm bản dịch đều không thể được xem là thiện bổn của Kinh Vô Lượng Thọ, bởi vì nó có khiếm khuyết, nhưng bản này thiếu thì bản kia lại có. Nên cổ đức cho rằng, khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, chắc chắn Ngài đã nhiều lần tuyên giảng kinh này. Và với mỗi lần thuyết giảng, ngài A Nan đều cho kết tập lại thành bổn kinh, chính vì thế mà nội dung mới xuất hiện nhiều kiểu như thế. Nếu như chỉ giảng có một lần, nhất định không thể nào có chuyện, có kiểu tình hình này xuất hiện. “**Vì vậy, việc hội tập các bản dịch, chọn lấy những ưu điểm của các bản để soạn riêng thành một Hội bản, là điều không thể chần chừ được nữa**”. Tức ý muốn nói, Kinh Vô Lượng Thọ nhất định phải có bản Hội tập, hội tập là điều tất yếu.

Một đoạn cuối cùng: “**Do đấy, cụ Hạ với đại nguyện hội tập các bản dịch**”. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã thấy được tình hình này trong đại kinh. Ngài đã tỉ mỉ nghiên cứu qua tất cả năm loại nguyên bổn dịch, nên Ngài phát tâm làm lại một bản Hội tập khác. “**Các bản cổ dịch đa phần nói đến hai mươi bốn nguyện**”, trong các bản dịch cổ quả thật có rất nhiều bản đều nói đến hai mươi bốn nguyện. “**Lại thuận theo quan niệm phổ biến là có bốn mươi tám nguyện**”, bản được lưu thông rộng rãi ở đời chính là bản Ngụy dịch của Khang Tăng Khải. “Ngụy” ý là nước Tào Ngụy thuộc thời đại Tam Quốc. Khang Tăng Khải là một vị pháp sư dịch kinh, là người nước Khang Cư. Nước Khang Cư bây giờ nằm ở Tân Cương, hiện giờ đã được nhập vào bản đồ Trung Quốc rồi, nhưng thời đó là một nước ngoại quốc. Thời nhà Hán nó vẫn là một nước ở bên ngoài, chưa được nhập vào Trung Quốc. Khang Tăng Khải khá am hiểu về ngôn ngữ của Trung Quốc, lại là một tín đồ Phật giáo thuần thành, nên Ngài bèn đến Trung Quốc và đã phiên dịch khá nhiều kinh điển, trong đó có Kinh Vô Lượng Thọ. Trong bản này có 48 nguyện, cho nên mọi người đều thích bản này. Vì thế, mọi người đều biết đến bốn mươi tám nguyện. Hiện nay cụ Hạ, Ngài dùng “**24 làm chương, 48 làm mục**”, Ngài chính là dùng cách này để hội tập. Ngài áp dụng hết cả hai kiểu 24 chương và 48 nguyện.

“**Cách phân định như vậy vừa phù hợp câu kinh, thệ nguyện hai mươi bốn chương, lại dung hợp quan niệm bốn mươi tám nguyện; bản Hội tập chọn lấy những ưu điểm của các bản dịch**”. Cụ Hạ chọn lấy những chỗ hay trong năm bản dịch, đem chúng dung hợp lại với nhau. Chẳng hạn như “Mười Niệm Vãng Sanh, Liên Hoa Hóa Sanh, Nước Không Nữ Nhân”, đều có thể nhìn thấy trong bản Hội tập.

“**Cụ còn khéo chọn lấy những điểm tinh yếu của các nguyện, lời ít nhưng nghĩa nhiều**”, tức là câu chữ được Ngài cân nhắc kỹ càng. Và đây cũng là bản xuất sắc nhất, câu chữ đơn giản. yêu cầu câu chữ phải hết mực đơn giản rõ ràng, người Trung Quốc khi bàn đến văn chương cùng với ngôn ngữ, có bốn yêu cầu: phải đơn giản, trọng yếu; còn phải tỉ mỉ, rõ ràng. Đây được xem là bài văn với lối văn chương và cách dùng từ xuất sắc nhất. Bản Hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, đích thực rất phù hợp với yêu cầu này. Bất luận là về nghĩa kinh, hay xét về lối văn chương đi chăng nữa, đều thuộc vào hàng bậc nhất. Đời này chúng ta có duyên gặp được, đó là chuyện may mắn vô cùng.

Cụ Hạ cách chúng ta cũng chẳng xa xôi gì, đời này của tôi thật may mắn đã gặp được rồi, thảy đều gặp được hết rồi. Thế hệ trước tôi một đời, như thế hệ của lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, kinh thì gặp được rồi. Vào thế hệ đó, người gặp được bản Hội tập này không nhiều, bởi vì bản Hội tập được hoàn thành vào cuối cuộc kháng chiến, lúc đó số lượng lưu thông vô cùng ít ỏi, lại gặp phải cảnh đất nước rơi vào chiến loạn. May mắn thay có pháp sư Luật Hàng từ Sơn Đông đến Đài Loan, mang theo mấy quyển đến Đài Loan tặng cho lão sư Lý. Lúc ấy lão sư Lý cho in ra một ngàn quyển lưu thông ở Đài Loan. Cho nên, thật sự rất ít pháp sư có thể xem được bản Hội tập này. Bởi vì mọi người đối với bản này còn chưa quen thuộc, nên đều chẳng muốn xem. Bản cũ mọi người đã lưu thông rất lâu rồi, thế nên niệm Kinh Vô Lượng Thọ đều là dùng bản của Khang Tăng Khải.

Cái bản mới này chẳng được ai đoái hoài đến, lão sư Lý ở Đài Loan có giảng qua bản này một lần, còn viết cả mi chú vào đó. Thầy đem bản Chú giải này giao cho tôi, rất ít người thấy nó. Lúc đó tôi xem bản mi chú này, bản này thuở đầu được lão sư Lý giảng tại chùa Pháp Hoa Đài Trung, về sau chưa giảng lại bao giờ, chỉ giảng qua đúng một lần. Tôi nhận được vô cùng hoan hỷ, tôi liền muốn giảng bộ kinh này ngay. Chú giải của thầy, tôi xem hiểu được. Nhưng thầy Lý bảo tuổi tôi còn quá trẻ, bây giờ thời cơ chưa chín muồi, bảo tôi cứ giữ đó, đợi thời tiết nhân duyên thích hợp mới giảng. Lúc đó tôi không hiểu ý cho lắm, không hiểu được chuyện ấy, đến bây giờ thì hoàn toàn hiểu rồi.

Bạn xem, bản Hội tập này bị biết bao người phản đối, phê bình bản Hội tập, chướng ngại bản Hội tập. Trong 20 năm qua, đó là chuyện chúng ta gặp phải. Tôi phải kiên trì học cái bản này, vì sao vậy? Vì đây là do thầy truyền lại. Nếu như tôi thay đổi bản khác, không học bản này, thế thì đích thực mang cái danh bội thầy phản đạo, vậy thì tội này ắt phải mang rồi. Tôi có lòng tin với thầy, thầy nhất quyết không hại tôi. Thầy đối với tôi rất tốt, tôi nhất định phải đem bản này truyền thừa xuống. Chuyện này cần phải rất bền bỉ nhẫn nại mới được. Bản này thật khó được! Chín ngàn năm thời kỳ Mạt pháp, Tịnh tông có thể độ cho hết thảy chúng sanh khổ nạn, tôi cảm giác hoàn toàn đều phải dựa vào bản Hội tập này. Về sau tôi ở Mỹ, gặp được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lúc đó ở hải ngoại giảng bộ kinh này, chỉ có một mình tôi, trong nước thì chỉ có mình Ngài; chúng tôi chưa có dịp gặp nhau. Đến Mỹ lúc gặp nhau, phải nói hoan hỷ vô cùng, thiệt là an ủi quá đỗi. Bản Chú giải của Ngài (cũng tức là bộ Chú giải này), vừa mới được hoàn thành. Cho in bằng giấy dầu, tôi tin rằng chỉ được khoảng 100 bộ. Lúc đó, Ngài đến xin ý kiến của các bậc Tịnh tông đại đức đương thời, nhờ mọi người góp ý cho Ngài. Đây là tấm lòng khiêm hư cầu giáo của cụ. Chúng ta thấy thái độ của cụ như vậy, vô cùng bội phục, cũng khiến người cảm động. Về sau, Ngài có chỉnh sửa lại mấy lần và trở thành bản hoàn chỉnh, trước sau mất khoảng 6 năm.

Lúc đó (tức là lúc ở Mỹ), tôi có thỉnh giáo với Ngài, tôi nói bản Chú giải này của Ngài: có bản quyền không? Ngài hỏi: “Vì sao thầy lại hỏi vậy?”. Tôi nói, nếu không có bản quyền, tôi sẽ mang sang Đài Loan in; nếu như có bản quyền thì tôi sẽ tôn trọng Ngài. Ngài vui vẻ bảo, không có bản quyền, còn muốn tôi viết lời nói đầu và tựa đề cho mặt sách nữa, tôi đều y theo mà làm. Cho nên, chúng tôi lần đầu ở Đài Loan cho in ra một vạn quyển theo lối chữ phồn thể, sách đóng bìa cứng một vạn quyển. Những năm sau đó, số lượng in ấn, lưu thông và người học tập thật sự không biết bao nhiêu mà tính. Pháp duyên thù thắng vô cùng! Lúc ấy vấn đề liền xuất hiện, người phê bình rất nhiều, người phản đối cũng nhiều. Rất nhiều đồng tu hỏi tôi, phải làm sao? Tôi liền nói với họ, tôi tin thầy tôi, thầy đã chính tay giao lại cho tôi, thầy làm sao mà hại tôi được!? Thầy không bao giờ gạt tôi, tôi có niềm tin kiên định vào thầy. Bởi vậy tôi nói, dẫu cho người toàn thế giới này đều phản đối, một mình tôi vẫn không phản đối, tôi vẫn cứ kiên trì tiếp tục. Tôi biết tôi y theo bản này tu học, nhất định có thể vãng sanh, tôi không bao giờ bị dao động bởi những lời phê bình, hủy báng từ bên ngoài này. Nhất mực kiên trì nhiều năm qua như vậy.

Tháng giêng năm 2013, Hải Hiền lão hòa thượng 112 tuổi của chùa Phật Lai tự tại vãng sanh. Tôi nghe được sự tích của vị lão hòa thượng này, tôi rất hoan hỉ, rất tán thán cũng rất bội phục. Vị lão hòa thượng này đã làm ra chứng minh vì chúng ta cả đấy. Cho nên, chúng ta rất may mắn, ngay trong đời này đến với thế gian này có thể may mắn gặp được bản Hội tập của cụ Hạ liên, cùng với tập Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Tập Chú giải này là trí huệ đỉnh cao, thật chẳng dể dàng gì. Ngài đã dùng tám mươi ba loại kinh luận và một trăm mười loại chú sớ của tổ sư đại đức, để chú giải cho bộ Kinh Vô Lượng Thọ này. Vì sao Ngài phải làm như vậy mà không dám tự mình làm ra một bộ chú giải!? Tôi tin rằng Ngài có thể hiểu được lý do vì sao; vì sợ người khác hủy báng, sợ người khác phản đối làm như vậy nên chẳng ai dám nói gì về tập Chú giải này nữa.

Mỗi một đoạn, mỗi một câu trong đoạn Chú giải này đều không phải ý kiến riêng của tôi, đều là lời của tổ sư đại đức và là lời ở trong kinh điển. Vì thế, chẳng ai dám phản đối. Làm như thế hết sức cao minh, rất khó được và cũng chẳng dể dàng gì. Cho nên, chúng ta đọc bản Chú giải này của Ngài, bạn xem mỗi một đoạn nhỏ Ngài đều có xuất xứ rõ ràng. Những câu ở trong này có nguồn gốc từ đâu, để chúng ta đối với Ngài sanh lòng cung kính, sanh ra tín tâm. Người như vậy quả thật có trí huệ chân thật, làm được hết sức viên mãn, hết sức chi tiết, cặn kẽ. Những năm cuối đời của Ngài, tôi thường đến thăm Ngài, vì Ngài ra nước ngoài không tiện. Nhưng chúng tôi đến Trung Quốc thăm hỏi thì lại rất tiện, cho nên mỗi năm tôi đến Trung Quốc mấy lần. Chúng tôi gặp mặt trò chuyện, tôi cũng có thỉnh giáo với lão nhân gia Ngài, cũng chính vì nguyên nhân này.

Cho nên, thật hiếm có một người như pháp sư Hoành Lâm. Tôi với thầy ấy không quen thân lắm, tôi cũng chẳng có ấn tượng gì. Tôi chỉ nghe nói, lần đầu tôi đến thăm lão cư sĩ Triệu Phát Sơ, thầy ấy cũng có mặt tại hiện trường, thầy ấy là một người rất trẻ ở bên cạnh tiếp đãi. Pháp sư Hoành Lâm là vị pháp sư trẻ, nhiều năm qua, thầy đã dùng thời gian mười mấy năm để đòi lại sự công bằng cho tôi. Thầy sưu tập những tư liệu hoằng pháp của tôi, và viết thành một quyển sách dày như thế này đây, tôi vô cùng cảm ơn thầy. Quyển sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Có Tăng Khen Tăng” đã minh oan cho tôi, nên tôi hết sức cảm ơn thầy.

Lão hòa thượng Hải Hiền cũng chính là xem được quyển sách này, Ngài hết sức hoan hỉ, coi nó như báu vật. Sau đó liền đi đắp y, cầm lấy quyển sách này, và nhờ người khác chụp hình cho Ngài. Cả đời lão hòa thượng trước giờ chưa từng chủ động yêu cầu người khác chụp hình cho Ngài, đây là lần đầu tiên trong đời. Chúng ta tin rằng, Ngài là y theo lời giáo huấn của A Di Đà Phật. Ngài cầu vãng sanh, nhưng đến lúc nào mới vãng sanh vậy? Khi gặp được quyển sách này thì Ngài có thể vãng sanh. Cho nên khi gặp được quyển sách này, Ngài hoan hỉ vô cùng. Chụp hình được ba ngày thì Ngài liền vãng sanh, tự tại vãng sanh, không có đau bệnh, không có bệnh khổ, không có chết khổ. Một tháng trước lúc vãng sanh, Ngài bèn đến từ biệt bạn bè, từ biệt các đồng tham đạo hữu và những nơi mà Ngài từng cư ngụ qua, đều đi thăm một chuyến, đến để từ biệt với mọi người. Sau khi nhìn thấy quyển sách này thì ba ngày sau Ngài ra đi.

Ngài là đến để biểu pháp, Ngài là đến để làm chứng minh cho chúng ta. Ngài không biết chữ, chưa từng được đi học, 20 tuổi xuất gia. Con người Ngài thật thà, nghe lời, thật làm, đây là thiên tánh của Ngài. Sư phụ đã nhìn trúng được Ngài, sư phụ không phải là người tầm thường, người tầm thường không thể nhìn ra được, ở trong Phật pháp gọi là pháp khí. Con người này có thể bồi dưỡng được, liền truyền cho Ngài một câu 6 chữ “Nam mô A Di Đà Phật”, dặn Ngài cứ thế mà niệm tiếp tục. Ngài quả thật thiệt thà, một câu Phật hiệu niệm suốt 92 năm, đến năm 112 tuổi vãng sanh. Niệm suốt 92 năm, công phu niệm Phật của Ngài chúng ta có thể nhìn ra được từ đoạn ghi hình, chính là chiếc đĩa này.

Công phu niệm Phật được chia làm ba tầng cấp, tầng cấp thấp nhất là công phu thành phiến. Thế nào là công phu thành phiến? Bất luận vào lúc nào, bất luận ở nơi nào, trong tâm chỉ có “A Di Đà Phật”. Ngoại trừ “A Di Đà Phật” ra, không có vọng tưởng, không có tạp niệm, đây gọi là công phu thành phiến. Chưa đoạn được phiền não nhưng đã chế phục được, dùng câu Phật hiệu này chế phục phiền não. Tuy phiền não vẫn có nhưng nó không khởi được tác dụng, thì đây gọi là thành phiến. Có được công phu này quyết định được sanh. Công phu này xuất hiện, khẳng định A Di Đà Phật sẽ đến báo tin cho bạn. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: “**Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật**”. Hiện tiền chính là hiện tại, tương lai là khi vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc. Cho nên, hiện tiền thấy Phật hoặc là ở trong định, hoặc là ở trong mộng Phật sẽ đến xem bạn, báo tin cho bạn biết. Điều quan trọng nhất là nói với bạn, thọ mạng của bạn còn được bao nhiêu; đến lúc bạn mạng chung, Phật sẽ đến tiếp dẫn bạn vãng sanh, Phật đem tin tức này báo cho bạn biết. Nhờ vậy mà bạn chết lòng trọn ý mà niệm Phật.

Chưa đạt đến công phu thành phiến, thì không thể nào thấy được Phật. Không phải Phật không thấy bạn mà là do bản thân bạn có nghiệp chướng. Công phu thành phiến, thì tuy nghiệp chướng chưa được tiêu trừ nhưng chúng đã được chế ngự rồi. Nghiệp chướng sẽ không thể nào khởi được tác dụng, cho nên Phật sẽ hiện thân. Thông thường chúng ta từ trong Tịnh Độ Thánh hiền Lục, ở trong Vãng Sanh Truyện, từ những người niệm Phật từ xưa đến nay, khi đạt đến công phu thành phiến thì mất bao nhiêu lâu? Thông thường người chân thật chịu niệm Phật, đại khái ba năm liền đạt được. Số người được ghi chép lại quá nhiều rồi, ba năm là thành công. Chúng ta ở ngay trong đời này, nhìn thấy người niệm Phật, niệm Phật ba năm vãng sanh rất nhiều. Trước kia có pháp sư hỏi tôi, có phải những người này ba năm thì thọ mạng của họ đúng lúc liền đến hay không? Tôi bảo: “Nói như vậy thì nói không thông”, làm gì có chuyện trùng hợp đến như vậy? Nhiều người như vậy chứ chẳng phải ít, không thể nào có chuyện trùng hợp như vậy được. Đúng lý ra là công phu của họ thành phiến, công phu thành phiến họ vẫn còn thọ mạng, chứ không phải thọ mạng đã hết. Nhưng có kiểu người thông minh, họ mà thấy được A Di Đà Phật thì nắm chặt không buông. Phật nói với họ, thọ mạng của họ vẫn còn rất dài nhưng họ có thể cầu Phật, “thọ mạng của con, con đều không cần nữa, con muốn đi theo Ngài bây giờ”. Phật vô cùng từ bi, bạn thật sự yêu cầu Ngài, Ngài sẽ chân thật mang bạn đi. Như thế mới nói được thông ba năm công phu thành phiến thì Phật liền đến. Thọ mạng của bạn, bạn không cần liền theo Ngài đi, đây là sự thật.

Vào năm trước năm 2012, cư sĩ Lưu Tố Thanh vãng sanh, đây là chị của cư sĩ Lưu Tố Vân. Cô cũng là phát cái tâm, muốn chứng minh cho mọi người về tự tại vãng sanh. Cái chủ ý này là do cư sĩ Lưu Tố Vân đề xuất, cô nói có người giảng kinh, có người tu hành, tốt nhất là có một người tới biểu diễn một chút. Biểu diễn cái gì? Chính là biểu diễn vãng sanh, như thế thì mọi người mới tin. Ngài đem chuyện này nói với chị của mình, chị của cô liền đồng ý ngay, để chị đến biểu diễn. Mọi người không chịu làm thì để chị làm, chị đến biểu diễn. Sau đó, quả thật cô đã nhìn thấy Phật. Phật nói với cô, thọ mạng của cô vẫn còn mười năm nhưng cô không cần, cô muốn vãng sanh bây giờ. Cho nên, cô chỉ có một tháng, niệm Phật được một tháng. Phát cái tâm lớn như vậy, quả thật vãng sanh rồi. Phật nói cho cô biết thời gian là năm 2012, vào ngày 21 tháng 11, đúng mười hai giờ trưa, một chút cũng không sai. Vào tám ngày trước lúc vãng sanh, cư sĩ Lưu Tố Vân nghe được âm thanh đó là chuỗi các con số, cô bèn đem nó ghi lại. Sau khi ghi lại thì đưa cho chị cô xem, chị cô mỉm cười và không nói gì, chỉ đem cất nó lại. Quả nhiên đến lúc ấy, đến lúc vãng sanh mọi người nói nói cười cười, trò chuyện như bình thường rất vui vẻ. Khi thời gian đến cô nói, tôi phải đi đây, mọi người hãy niệm Phật tiễn tôi. Thế là đi thật, một giây cũng không sai. Đây là đến làm gương cho chúng ta xem.

Hải Hiền lão hòa thượng có lẽ cũng vào một tháng trước đó, A Di Đà Phật cũng báo tin cho Ngài biết, “khi nào con thấy được quyển sách này, thì coi như thời giờ đã đến”. Ngài là đến biểu pháp làm chứng chuyển, trong tam chuyển pháp luân thì làm chứng chuyển. Ngài đến chứng minh cho chúng ta: Thế giới Cực Lạc có thật, A Di Đà Phật có thật, bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh cũng là thật chứ không phải giả. Ngài là vì chúng ta mà chứng minh, đặc biệt chứng minh cho chúng ta biết, bản Hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư là chân kinh, chữ chữ câu câu đều là lời do chính Phật thuyết. Bản Hội tập của cụ Hạ liên không hề sửa đổi một chữ nào trong Kinh văn, đều là Kinh văn nguyên bản từ trong năm loại nguyên bản dịch, một chút cũng không dám sửa. Ngài chấp hành mọi yêu cầu về vấn đề hội tập. Cho nên, chữ chữ câu câu đều là chân kinh, không hề giả. Thứ hai là chứng minh cho lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ rằng, tập Chú giải của Ngài là chánh tri chánh kiến. Chữ chữ câu câu là nguyên văn từ trong kinh luận của Phật, nguyên văn được Ngài chép ra trong ấy là sự thật chứ không phải giả. Ngài từ trong một trăm mười loại chú sớ của tổ sư đại đức mà tuyển chọn ra, để chứng minh cho tập Chú giải là chánh tri chánh kiến. Thứ ba là chứng minh cho chúng ta, chúng ta trong hai mươi năm qua y theo bộ kinh này mà học tập không hề sai.

Điều này quá tuyệt vời, đời này của chúng ta quá may mắn. Nếu như không gặp được pháp môn này, có thể nói ở trong Phật môn, chỉ là trồng thiện căn, kết được thiện duyên mà thôi, đời này không thể nào thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, đây là sự thật, chắc chắn không phải giả. Gặp được pháp môn này, chân thật tin tưởng không hề hoài nghi. Chân tín, thiết nguyện một câu Phật hiệu này niệm đến cùng, mười niệm ắt được sanh. Hiện tượng này sẽ gặp được lúc nào? Đó là khi bạn bị bệnh rất nặng. Trong tình thế nguy cấp nhưng hơi thở vẫn chưa tắt, gặp được một vị thiện hữu khuyên bạn niệm A Di Đà Phật. Bạn tin thật có Thế giới Cực Lạc, thật có A Di Đà Phật, bạn niệm mười hơi hoặc là niệm mười tiếng Phật hiệu, liền tắt thở đều có thể vãng sanh. Công đức niệm Phật bất khả tư nghì, pháp môn này quá dễ dàng rồi. Bởi vì, quá dễ dàng nên người ta liền sanh nghi. Muốn dứt sanh tử ra khỏi Tam giới, làm gì có chuyện dễ dàng đến như vậy? Thật sự rất dễ nhưng thật khó tin.

Tôi học Phật sáu mươi bốn năm, thuở đầu pháp sư Sám Vân có khuyên tôi. Tôi ở trên núi sống với thầy ấy được nửa năm, thầy dạy tôi xem A Di Đà Kinh Sớ Sao, bộ Yếu Giải cùng với Viên Trung Sao và Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Lúc đó, chỉ có bốn quyển gồm hai quyển sơ tập và hai quyển tục tập. Tôi đã xem hết các bộ đó, thế tôi có tin không? Tin chứ, tôi tin tưởng Tịnh độ, không bài xích Tịnh độ. Thầy ấy khuyên tôi tu nhưng tôi không chịu, tôi không tiếp nhận. Khi đến Đài Trung thân cận với lão sư Lý học giáo, thầy cũng mang Tịnh độ giới thiệu cho tôi. Nhưng tôi không học, tôi đi học kinh giáo, chủ tu của tôi là bộ Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh, và bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Tôi thích những đại kinh đại luận này, vì lúc đó là phần tử tri thức trẻ tuổi; vô cùng kỳ vọng và ngưỡng mộ đối với những kinh này, cho rằng Tịnh độ cũng không tệ, rất tốt. Nhưng đại khái là pháp môn dành cho ông già bà cả tu, chứ không phải pháp môn Phật dùng để độ cho những người trẻ tuổi như chúng tôi. Với các quan niệm sai lầm ấy, tôi đã làm dang dở ba mươi năm của chính mình.

Tôi tiếp nhận Tịnh độ là sau ba mươi năm ấy, còn ba mươi năm trước tuy không phản đối cũng rất tán thán, nhưng bản thân thì không chịu học. Nếu như có thể có cái căn tánh như Hải Hiền lão hòa thượng, vừa nghe là tiếp nhận ngay thì công phu của tôi cũng không khác gì so với Ngài, chẳng đến nỗi thua xa đến như vậy. Ngài chân thật là đạt được nhất tâm bất loạn, cho nên Ngài đắc được công phu thành phiến. Tôi nhẩm tính, không vượt quá năm hai mươi lăm tuổi đắc được sự nhất tâm bất loạn, cũng không ngoài ba mươi tuổi bắt được lý nhất tâm bất loạn. Đại khái chỉ vào năm ba mươi lăm tuổi, lý nhất tâm cùng với đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh bên Thiền tông, là cùng một cảnh giới. Ngài chân thật đạt được rồi. Hơn nữa, lão hòa thượng còn rất phi phàm.

Bạn xem, năm Ngài 20 tuổi lão sư dạy cho Ngài câu “Nam mô A Di Đà Phật” và bảo cứ thế mà niệm tiếp tục. Sau đó còn dặn dò Ngài thêm một câu, “khi con đã minh bạch rồi cũng không được nói lung tung, không được nói gì hết”. Chữ minh bạch ấy có nghĩa là gì? Đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đây được gọi là minh bạch. Cho nên, lão hòa thượng cũng có lộ ra một chút, Ngài bảo: “Tôi cái gì cũng biết”, lời nói này tức là đã minh bạch rồi. Thế Ngài có nói không? Không nói. Người ta có hỏi Ngài vì sao thế? Ngài nói: “Thiên cơ không thể tiết lộ, tiết lộ thiên cơ thì sẽ bị trời đánh đó!”. Tuyệt, diệu tuyệt! Điều đó chứng tỏ sư phụ của Ngài là một người khai ngộ, không phải người khai ngộ thì không thể nhận ra con người Ngài. Sư phụ Ngài biết người này mai này sẽ có thành tựu, là đại thành tựu, quả nhiên chẳng sai. Ngài nhiều lần thỉnh cầu A Di Đà Phật mang Ngài đến Thế giới Cực Lạc, nhưng Phật không chịu. Lời này quyết định chẳng phải vọng ngữ. Từ trong câu nói này chúng ta có thể nhận ra, Ngài rất nhiều lần gặp được A Di Đà Phật chứ chẳng phải một lần. Trong lời lại có lời, chúng ta phải biết cách nghe, nhất định là nhiều lần, bởi vì chân thật chứng đắc lý nhất tâm bất loạn.

Bạn muốn thấy Phật, Phật liền hiện tiền, hoàn toàn không còn khoảng cách đối với Phật. Phật vì sao không chịu mang Ngài đi? Phật bảo với Ngài, “con tu được rất tốt”. Tu được rất tốt là có ý gì? Đó là “con có thể trì giới, có thể chịu khổ, có thể nhẫn nhục. Đây là điều mà người bình thường không thể làm được, nhưng con đều có thể làm được”. Cho nên tu được rất tốt, mong muốn Ngài ở lại thế gian này trụ thêm vài năm để biểu pháp cho mọi người xem. Chính là làm ra tấm gương tốt cho người học Phật, làm tấm gương tốt cho người niệm Phật. Cho nên cứ kéo dài thọ mạng cho Ngài mãi, kéo dài đến năm 112 tuổi. Khi quyển sách này xuất hiện, Ngài chính là chờ đợi quyển sách này. Nửa đời sau trụ thêm mấy chục năm chính là vì để đợi quyển sách này, đem những tri kiến sai lầm đều uốn nắn trở lại. Bởi vì Ngài muốn những người thông thường đối với bản tập, đối với tập Chú giải, cùng với những tu học của chúng ta không còn hoài nghi nữa. Tín tâm kiên định, nguyện tâm kiên định, Ngài chính vì điều này mà trụ thế chứ chẳng vì cái nào khác. Nếu như vì sự vãng sanh của mình mà nói, có lẽ trước năm ba mươi tuổi Ngài liền có thể vãng sanh rồi. Trụ thêm nhiều năm như vậy, chúng ta thấy Ngài chịu nhiều nỗi vất vả đến như vậy. Nhưng kỳ thực Ngài là đang ở Thế giới Cực Lạc, Ngài chẳng khác nào đang ở Thế giới Cực Lạc cả. Từ chỗ nào mà thấy được vậy? Chính là từ hành nghi cả đời của Ngài. Bất luận vào lúc nào, bạn xem Ngài luôn tươi cười, hoan hỉ vui vẻ. Đối người đối việc, đối vật cái gì cũng tốt, không có phân biệt, chẳng hề chấp trước. Thậm chí chúng ta có thể nói, Ngài không có khởi tâm động niệm, Ngài chính là đang biểu diễn; hoàn toàn làm ra tấm gương cho chúng ta xem để độ hóa chúng sanh.

Ngài dùng thân hành làm ra cho chúng ta xem, còn chúng ta thì dùng ngôn giáo, đem kinh điển giảng giải cho rõ ràng, minh bạch, thấu triệt. Cả thân hành lẫn ngôn giáo đều bổ sung hỗ trợ cho nhau, đây là phương pháp mà hết thảy chư Phật Bồ Tát dùng để độ hóa chúng sanh, hàm nghĩa của phương pháp này rất sâu. Sự nghiệp gì là sự nghiệp vĩ đại nhất? Chúng ta đang thấy những gì mà Phật Bồ Tát biểu diễn, những điều mà Phật Bồ Tát biểu diễn cho chúng ta xem đều là mang tính dạy học, cả đời các ngài đều đi dạy học. Hơn nữa, đều giữ gìn thân phận làm một người giáo viên, chưa bao giờ làm hiệu trưởng. Phật xem những học trò này đều là bạn bè, đều như anh chị em vậy; tương thân tương ái, chăm sóc lẫn nhau, hợp tác và giúp đỡ nhau. Cả đời Phật chưa hề xây dựng đạo tràng, vì sao không xây đạo tràng? Có đạo tràng thì liền dễ dàng nảy sanh phiền não, dễ dàng làm dẫn khởi lòng tham. Bạn xem hiện nay đạo tràng rất nhiều. Tôi biết có nhiều người đi xuất gia, vì sao họ lại xuất gia? Vì trong nhà quá nghèo. Vừa xuất gia thì liền được phát tài to, được ở nhà lớn, còn có biết bao người hầu hạ, họ chính là vì cái này. Đây là sự thật không phải giả. Mọi người tranh danh đoạt lợi, đạo tràng ấy biến thành đạo tràng đấu tranh, chứ không còn là đạo tràng tu hành mà là đấu tranh.

Cho nên, cái thời đại này của chúng ta Phật đã sớm nhìn ra cả rồi, nên Ngài làm tấm gương không cho xây dựng đạo tràng. Đời sống của Đức Phật vô cùng đơn giản, tối đến ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, bữa ăn này cũng là do đi khuất thực mà có, đến tối đi ngủ thì đến dưới gốc cây ngồi nghỉ ngơi. Chúng ta liền biết các ngài có thể lực và sức khỏe rất tốt, không sợ dãi nắng dầm mưa. Dẫu cho đông lạnh hay hè nóng các ngài đều không sợ, bạn xem sức khỏe của người ta tốt biết dường nào, chính từ những điều nhỏ nhặt này mà luyện thành; tâm địa chân thật thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, cả đời đều giảng kinh dạy học. Chân thật là bậc có đại đức, đại trí, đại năng, đây là một vị thầy tốt. Không thu tiền học phí, người đến không từ, kẻ đi cũng chẳng giữ; bạn xem Ngài dạy học, cúng dường chỉ nhận bốn loại cúng dường. Khất thực đồ ăn thì đó là nhận cúng dường lương thực; khi y phục đã bị hư thì tiếp nhận cúng dường một chiếc y khác; ngọa cụ tức là buổi tối khi đến nghỉ ngơi ở một gốc cây lớn, bên dưới lót một tấm nệm bằng vải, tức là trải một miếng vải lên mặt đất. Hiện nay người xuất gia khi lạy Phật thì sẽ cho lót một miếng đệm, miếng đó gọi là cụ, chính là miếng mà thời xưa người ta dùng để trải dưới gốc cây để ngủ vào buổi tối. Thứ tư là khi đau bệnh sẽ tiếp nhận thuốc men. Ngoại trừ những thứ này ra, tất cả những cúng dường khác đều không nhận, thực sự đã buông bỏ cả rồi.

Ngày nay chúng ta học Phật, vì sao không thể khai trí huệ, vì sao không thể đắc định? Không thể khai trí huệ vì dục vọng quá nhiều, không thể buông xả nổi. Nếu có thể triệt để buông xả thì rất dễ. Khi Phật Đà còn tại thế vùng đất ấy thuộc vùng nhiệt đới, thuộc nước Ấn Độ nên y phục chỉ cần ba chiếc là đủ. Người Ấn Độ không có may vá, chỉ dùng ba miếng vải rồi choàng lên trên người; đến tối thì dùng ba chiếc y này để choàng lên trên người, đến ban ngày thì dùng nó khoác lên thân. Đơn giản biết nhường nào, đời sống bình dị biết bao. Cho nên, chân thật buông xả không có vướng bận, không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Tu hành là tu cái gì? Chính là tu định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp là phương pháp, môn là con đường. Tất cả là tu cái gì? Thảy đều là tu thiền định. Cho nên, thiền định là điều cốt lõi trên con đường tu hành của nhà Phật. Mục đích của nó là gì? Mục đính là nhằm khai trí huệ. Trí huệ ở đâu ra? Trí huệ là thứ vốn sẵn có ở trong tự tánh, chứ không phải từ bên ngoài đến. Bên ngoài chẳng có thứ gì cả, bên ngoài toàn là giả.

Huệ Năng đại sư khi khai ngộ, minh tâm kiến tánh, tánh là gì? Huệ Năng đại sư đã nói ra năm câu. “**Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh**”, tự tánh là thanh tịnh, trước giờ chưa từng bị ô nhiễm qua. Thứ bị ô nhiễm là gì? Là a lại da, là vọng tâm chứ không phải chân tâm. Chân tâm trước giờ chưa từng bị ô nhiễm; chân tâm không sanh không diệt, còn vọng tâm thì có sanh có diệt; vọng tâm chính là ý niệm của chúng ta. Bạn xem, niệm trước diệt thì niệm sau liền sanh, một cái tiếp nối một cái. Hơn nữa ý niệm cực kỳ vi tế, chúng ta vốn chẳng thể nào phát giác ra được, một chút mảy may cảm nhận cũng không có, bởi chúng ta mê quá sâu rồi. Nhà khoa học ngày nay nói với chúng ta, trên thế giới này căn bản vốn chẳng hề tồn tại vật chất, điều này được nhà khoa học cận đại đề xướng. Thế giới này không có vật chất, thế vật chất từ đâu mà có? Vật chất rốt cuộc là gì? Các nhà khoa học bảo vật chất là huyễn tướng do ý niệm sanh ra, nó không phải thật. Cái huyễn tướng này nó có sanh có diệt.

Kể từ lúc sanh cho đến lúc diệt, nó mất khoảng bao lâu? Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta. Khoa học hiện nay của chúng ta ước định đơn vị thời gian là giây, một giây, huyễn tướng do một ý niệm sản sanh ra. Thọ mạng của nó có phải là một giây hay không? Không phải. Một giây thì quá dài rồi, một giây nó sanh diệt bao nhiêu lần? Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta là 2.240 ngàn tỷ, đơn vị là ngàn tỷ. Cứ vạn ức thì được quy thành ngàn tỷ, một vạn lần của một ức là ngàn tỷ, là 2.240 ngàn tỷ. Hiện tượng này ở ngay trước mắt chúng ta. Chúng ta kể từ lúc sanh ra cho đến lúc già chết, cả một đời cũng chưa từng phát hiện ra vấn đề này. Vấn đề này gọi là gì? Là thật tướng các pháp, là chân tướng; là chân tướng của vũ trụ vạn hữu, nó là giả không phải thật. Đôi mắt của chúng ta bây giờ rất tệ, cho rằng những gì mình thấy là thật, nhưng chân tướng ở ngay trước mắt mình thì mình lại chẳng thấy. Chúng ta phải nhìn thấy bao nhiêu mới có thể có cảm nhận được? Đại khái là khoảng một phần hai của một giây thì liền có cảm nhận.

Chúng ta có thể làm thí nghiệm, cuốn phim này của tôi là cuốn phim điện ảnh thuở trước là cuốn phim điện ảnh âm bản. Đem nó bỏ vào trong máy chiếu, cho chiếu với tốc độ một giây là hai mươi bốn tấm. Bạn xem ống kính vừa mở ra, một tấm liền được chiếu lên màn hình, ống kính lập tức đóng lại; lại mở ra và chiếu tấm thứ hai, đổi thành tấm thứ hai, một giây chiếu hai mươi bốn tấm. Chúng ta làm thí nghiệm, đem hai mươi bốn tấm này bôi đen tất cả hai mươi ba tấm, chỉ chừa lại một tấm, đây chính là một phần của hai mươi bốn giây. Bạn có thể nhìn thấy được gì? Là một tia sáng lóe lên một chút, trong đó có thứ gì? Cái gì cũng chẳng thấy. Chỉ mới 1/24 giây, chúng ta đã chẳng có cách gì nắm bắt được. Còn chân tướng sự thật hiện nay là 1/2.240 ngàn tỷ của giây, bạn làm sao biết được nó là giả kia chứ? Phát hiện này của các nhà lượng tử lực học ngày nay, bí mật của vũ trụ, tức là bí mật của vật chất đã được họ vạch trần cả rồi, đây là một bước đột phá rất lớn. Đối với nền vật lý, hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Những gì họ nói hoàn toàn giống như những gì được nói trong kinh Phật, là từ ý niệm sanh ra; đầu tiên là có ý niệm sau đó thì có hiện tượng vật chất. Cho nên, kinh Phật nói chẳng hề sai: “**Tướng do tâm sanh**”, tướng tức là hiện tượng vật chất. Nó từ đâu mà có? Là từ ý niệm sanh ra. Ý niệm thanh tịnh thì hiện tượng vật chất này cũng thanh tịnh, ý niệm mà ô nhiễm thì hiện tượng vật chất này liền bị ô nhiễm. Ý niệm là thiện, hiện tượng vật chất là thiện, sắc tướng là thiện, nhà Phật bảo là sắc.

Ý niệm bất thiện, thì sắc tướng ấy cũng bất thiện. Bất thiện thì thuộc về ba đường ác, còn thiện thì thuộc về ba đường thiện, thảy đều là tồn tại trong cái tần suất ấy. Ngay cả hiện tượng tâm lý, tức là ý niệm của chúng ta, đều là ở trong tần suất cao như vậy, tức là 1/2.240 ngàn tỷ của giây, chính là được sản sanh ra dưới cái tần suất cao này. Nhà khoa học dùng các công cụ phát hiện ra vấn đề này, cho nên chúng ta có lý do tin tưởng. Nền khoa học đang trên đà phát triển không ngừng, những người trẻ tuổi học khoa học hiện nay đều đang tiến hành thí nghiệm cái này. Họ nghiên cứu về niệm lực, biết được niệm lực bất khả tư nghì, điều này đã được nói trong kinh Phật.

Trong kinh Phật gọi hiện tượng vật chất nhỏ nhất là ngũ uẩn, bộ Bát Nhã Tâm Kinh được rất nhiều người đọc tụng, trong đó có viết: “**Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không**”. Chữ “ngũ uẩn” này thì ngũ uẩn chính là dạng vật chất nhỏ nhất, đồng nghĩa vật chất và ý niệm là không thể tách rời. Có ý niệm liền có vật chất, không có ý niệm thì không có vật chất. Khoa học đã rút ra được một kết luận như vậy. Khoa học đã tiến hành hơn bốn trăm năm qua, sai lầm lớn nhất của họ chính là chia cái vũ trụ này ra thành hai phần: một cái là vật lý, còn một cái là tâm lý. Thế thì sai rồi, phân thành hai cái như vậy là sai rồi. Thật tướng của nó là gì? Chân tướng của nó là, “**không thể tách rời tâm lý với vật lý**”, nó là cùng một sự việc. Trong vật lý có tâm lý, trong tâm lý lại có vật lý, không thể phân chia. Chính bởi vì cái sai lầm này đã làm nảy sanh rất nhiều quan niệm sai lầm, gây ra rất nhiều phiền phức, khiến cho biết bao nhiêu người chịu thiệt, chịu rất nhiều khổ nạn. Cho nên, hiện nay niệm lực đang là phương hướng nghiên cứu mới nhất của ngành khoa học. Ý niệm rốt cuộc là gì, ý niệm từ đâu mà có? Chúng ta có lý do tin tưởng. Sau hai mươi năm nữa, Phật giáo không còn là tôn giáo, vậy là cái gì? Là khoa học đỉnh cao. Bởi vì, các nhà khoa học đã tiếp nhận rồi, vì kết luận sau cùng được họ nghiên cứu ra đều có ở trong kinh Phật. Trên kinh nói với chúng ta, hiện tượng vật chất từ ý niệm mà có.

Vậy thì ý niệm từ đâu mà có? Ý niệm do nghiệp lực sanh ra. Nghiệp lực là gì? Nghiệp lực là dao động. Cho nên khoa học hiện nay có thuyết bảo rằng, toàn bộ vũ trụ giống như dây đàn, là như dây đàn của đàn dương cầm. Nó đang dao động, toàn là do dao động mà tạo thành. Hiện tượng dao động này ở trong Phật giáo được gọi là “nghiệp tướng”, nghiệp tức là tạo tác. Tạo tác là động, nó không phải tịnh nhưng tự tánh là thanh tịnh, nó không hề dao động. Vậy dao động này là gì? Chính là một niệm bất giác. Một niệm bất giác tức là vô minh, tức là vọng tưởng, cũng chính là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm xuất hiện hết sức ngẫu nhiên, chẳng có nguyên nhân gì cả. Sau khi hiện tương này sanh ra, thì cứ theo hiện tượng ấy càng mê càng sâu, sâu nhất là làm phát sanh ra chúng sanh sáu nẻo.

Hiện nay, chúng ta học Phật tức là đang quay đầu, chúng ta phải trở về với tự tánh. Thích Ca Mâu Ni Phật đã trở về rồi, Huệ Năng đại sư cũng đã trở về, Hải Hiền lão hòa thượng cũng đã quay về với tự tánh. Mẫu thân của Ngài cũng vậy, còn sư đệ của Ngài là Hải Khánh pháp sư cũng đã quay về với tự tánh, để chúng ta nhìn thấy trở về với tự tánh được đại tự tại đến nhường nào! Tịnh độ gọi là Thường Tịch Quang, tức là trở về với Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang chính là tự tánh, “Thường Tịch Quang” thì ba chữ này là đại biểu cho tự tánh. “Thường”...không sanh không diệt thì gọi là Thường; “Tịch” là thanh tịnh, vĩnh viễn không bị ô nhiễm thì đây là Tịch; “Quang”...ý là muốn nói đến đặc tính của nó. Đặc tính của nó là biến khắp vũ trụ, không nơi nào không có, không lúc nào không có. Giống như những ngọn đèn trong căn phòng này của chúng ta vậy, những bóng đèn này vừa bật lên thì liền chiếu khắp căn phòng; không lúc nào, không chỗ nào mà không có. Đó là gì? Là Pháp thân, Thường Tịch Quang chính là Tỳ Lô Giá Na, chính là Pháp thân. Cho nên trở về với Thường Tịch Quang vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, vô lượng thần thông đạo lực, thảy đều hiện tiền. Vì sao lại như thế? Vì đây là thứ tự tánh vốn sẵn có, không cần phải hướng ngoại tìm cầu. Lúc nào có thể thấy được điều đó? Tâm thanh tịnh liền thấy được.

Chúng ta thấy trên đề kinh, trên kinh dạy chúng ta, tu là tu cái gì? Chính là tu “thanh tịnh”, tu “bình đẳng”, tu “giác”. Thanh tịnh là A La Hán, bình đẳng chính là Bồ Tát, còn giác chính là Phật. Năm chữ này ở trên kinh chính là ba đẳng cấp tu học thành tựu ở trong Phật pháp: Phật, Bồ Tát, A La Hán. Tuy một mà ba, tuy ba mà một. Đắc được tâm thanh tịnh, thì trí huệ thần thông đạo lực của bạn sẽ y hệt như A La Hán, có sáu loại thần thông, rất tự tại. Phần đoạn sanh tử không còn, thì sẽ không thấy sáu nẻo luân hồi. Bình đẳng là Bồ Tát, cao hơn so với A La Hán. Trí huệ và đức năng của các ngài cao hơn so với A La Hán. Đến khi viên mãn tức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó chính là giác, cũng tức là đã thành Phật rồi. Phật không gạt người. Ngài đã nói cái gì? Đây là thứ mà người người đều vốn có, “**hết thảy chúng sanh vốn dĩ là Phật**”.

Khi thiện căn phước đức nhân duyên đầy đủ, bạn phải nên lập tức thừa nhận, lập tức gánh vác: “Tôi phải trở về với bổn lai diện mục của mình, bổn lai diện mục là Phật”. người người đều là Phật, hết thảy chúng sanh mỗi người đều là Phật; cho đến các loài kiến, muỗi cũng là Phật, ý là chỉ cho chúng sanh hữu tình. Cây cối hoa cỏ vẫn là Phật, sơn hà đại địa cũng là Phật. Thế Phật là gì? Phật là tự tánh, những thứ này toàn là do tự tánh biến hiện ra. Đến sau cùng, hết thảy đều phải trở về với tự tánh. “**Tự tánh năng sanh vạn pháp**”, vạn pháp trở về với tự tánh. Tánh tướng là một không phải hai, đây quả thật là triết học đỉnh cao và là khoa học đỉnh cao. Phật pháp nói đến sau cùng thì học thuật, tôn giáo, khoa học, triết học của thế gian hay bí mật của vũ trụ đang được thảo luận nghiên cứu, thảy đều không tách khỏi tự tánh. Chỉ cần kiền tánh, mọi vấn đề đều được giải quyết. Vả lại, giải quyết một cách triệt để, cứu cánh viên mãn, đây là điều chúng ta không thể không biết.

Hải hiền lão hòa thượng có tiết lộ tin tức, thật là tốt. Kinh nghiệm của cả một đời của ngài, ngài biểu diễn cho chúng ta xem. Ngài bảo, lo mà niệm phật cho tốt, ý là niệm một câu a Di Đà phật này. Vạn duyên buông xả, thành Phật là sự thật, những cái khác toàn là giả, chẳng có một thứ nào là thật. Cho nên, nhất định phải buông xả. Điều quan trọng nhất của buông xả chính là không phải ở trên hình thức, mà phải làm ở trong tâm. Trong tâm phải buông xả làm sao? Chính là mắt thấy sắc, nhìn thấy rõ ràng thấu suốt, minh bạch thấu đáo. Đây là trí huệ, đây là bản năng của chúng ta. Tuy rằng rõ ràng, tuy rằng thấu suốt nhưng không hề khởi tâm động niệm. Vì sao vậy? Vì biết rằng, phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, “**hết thảy pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc**”, quyết định không bao giờ khởi tâm động niệm. Không khởi tâm không động niệm, đây là cảnh giới gì? Đây là cảnh giới của Phật. Giống như hiện nay chúng ta ngồi trước màn hình ti vi vậy, nhìn thấy sắc tướng ở trên màn hình thì cả người chúng ta đều bị nó thu hút, đều cho rằng nó là thật. Chúng ta ở ngay trên những hình ảnh ấy, khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đây gọi là phàm phu sáu nẻo.

Phật xem ti vi thì sẽ thế nào? Ngài sẽ không khởi tâm không động niệm, vì sao? Vì toàn là giả. Khởi tâm động niệm không có chướng ngại, không có nhiễm tịnh, không có thiện ác, cái gì cũng không có. Tất cả mọi phân biệt chấp trước đều là từ trong vọng tưởng của bạn biến hiện ra, nó không phải thật. Thật sự chỉ như con số không, thật sự chẳng có gì hết. Đạo lý chính là ngay chỗ này, chỉ cần bạn nhìn thấu, rèn luyện trong cuộc sống thường ngày. Rèn luyện cái gì? Chính là rèn luyện không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Nếu bạn thật sự buông bỏ được chấp trước, bạn liền chứng quả A La Hán, sáu nẻo luân hồi liền biến mất, coi như tỉnh dậy khỏi giấc mộng này rồi. Tỉnh được mộng này thì là cảnh giới gì? Tỉnh mộng rồi thực chất vẫn là mộng, đó là Tứ thánh pháp giới. Lục đạo là ô nhiễm; Tứ thánh pháp giới là thanh tịnh, gọi là Tịnh độ, là Tịnh độ của chư Phật Như Lai. Thập pháp giới cũng chưa phải là cứu cánh, Thập pháp giới từ đâu mà có? Từ khởi tâm động niệm mà ra. Sáu nẻo luân hồi từ chấp trước mà có, không chấp trước thì không còn sáu nẻo. Không khởi tâm không động niệm thì Thập pháp giới liền biến mất; Thập pháp giới không còn thì được xem là thật. Phá mê khai ngộ, cảnh giới gì sẽ hiện tiền? Cảnh giới Nhất chân pháp giới sẽ xuất hiện. Nhất chân chính là Thế giới Cực Lạc, là Thế giới Hoa Tạng, là cõi Báo Độ của chư Phật Như Lai. Nó là tâm hiện chứ không phải là thức biến. Cảnh giới của tâm hiện không có tướng sanh diệt, cảnh giới do a lại da biến hiện thì có sanh có diệt. Có sanh có diệt là do vọng tâm biến hiện, còn không sanh không diệt là do chân tâm biến hiện.

Cho nên, Thế giới Cực Lạc là do chân tâm biến hiện, Thế giới Hoa Tạng cũng là do chân tâm biến hiện. Ta phải dùng chân tâm, phải dùng chân tâm cho nó trở thành thói quen. Chân tâm là gì? Chính là tuyệt không bao giờ lường gạt người khác, tuyệt đối không bao giờ được đi chiếm dù chỉ là một chút tiện nghi của người khác. Chiếm không được đâu, giả mà thôi. Thấy sắc nghe tiếng, chính ở nơi này mà luyện, đây gọi là tu hành. Tu là tu cái gì? Tu không chấp tướng, tu không động tâm, chính là tu cái này. Tức là tu không phân biệt, tu không chấp trước. Không chấp trước thì tâm “thanh tịnh” hiện tiền, không phân biệt thì tâm “bình đẳng” hiện tiền, không khởi tâm không động niệm thì tự tánh xuất hiện, “giác” xuất hiện. Cho nên, đầu tiên phải hiểu vũ trụ rốt cuộc là gì, chúng ta phải tin lời của Phật, Phật không bao giờ gạt người dù chỉ một câu. Toàn thể vũ trụ này là chính mình, chính mình chỉ có một, chính mình chân thật chính là tự tánh. Rất nhiều người, rất nhiều việc, rất nhiều cảnh giới của chúng ta hôm nay đều là tự tánh biến hiện.

Giống như hình ảnh trên ti vi vậy, toàn thể hình ảnh ấy là một thể không thể tách rời. Cho nên, đối với hết thảy mọi người, hết thảy việc phải nên dùng cái tâm yêu thương của chân tâm, tức là đại từ đại bi. Không có lý do, không có điều kiện gọi là đồng thể đại bi, vô duyên đại từ. Vô duyên là không có điều kiện, thế thì đúng rồi. Nhập vào cảnh giới của Phật, tức là nhập vào toàn thể của toàn bộ vũ trụ này. Có thể làm được điều đó không? Có thể. Hiện tượng vật chất này là giả; hiện tượng vật chất có chướng ngại, có thể không cần đến hiện tượng vật chất. Ở trong vòng sáu nẻo thì dạng chúng sanh cao cấp là cõi Trời Vô Sắc Giới, người cõi Vô Sắc thì họ không cần cái thân này nữa, thân thể rất rườm rà phiền phức, nên không cần nữa....họ vô cùng tự tại. Cho nên, trong cõi Lục đạo trên trái đất này thì cõi cao cấp nhất là thế giới tinh thần. Cõi Sắc Giới vẫn còn có hiện tượng vật chất, nó không còn dục vọng, không có những thứ này; thất tình ngũ dục đều chẳng còn, không còn tham, sân, si, mạn, nghi. Nhưng nó vẫn chưa thể thoát ly, vẫn còn mang hình tướng của cái thân này. Cho nên gọi nó là cõi Sắc Giới, nhưng nó không còn dục. Phía dưới cõi trời Sắc Giới là cõi trời Lục Dục, những chư thiên này vẫn còn có dục, nhưng dục của họ mỏng nhẹ hơn so với chúng ta. Càng hướng lên cao thì dục càng nhẹ, đến khi dục không còn thì liền đến cõi Sắc Giới. Sắc không còn thì đến cõi Vô Sắc; Vô Sắc không còn thì liền ra khỏi Tam giới, thoát khỏi Lục đạo. Cần phải hiểu, phải minh bạch “lý” mới được.

Đối với tất cả mọi việc ở trước mắt, hết thảy nhân sự vật đều là tùy duyên không phan duyên, thế thì tốt. Thật sự làm đến được với người vô tranh, với đời vô cầu. Vì sao vậy? Vì tất cả mọi tranh giành cầu mong của các vị đều là giả, không có một thứ nào là thật. Vô cầu, vô tranh mới là thật. Ở cõi đời này, mọi người đều liều mạng đi tranh, nỗ lực đi cầu. Thế tất cả những gì mà họ đạt được có phải do tranh mà có, hay do cầu mà có không? Không phải vậy, đó là do trong mạng của bạn vốn có. Nếu như trong mạng không có, chân thật có thể cầu mà được, tranh mà được thì chư Phật Bồ Tát đều đi tranh, đi cầu cả rồi. Giả cả thôi, cầu không được đâu. Những người này vì sao lại làm như vậy? Đều là do không rõ cái lý nhân quả. Nhân quả ở thế gian này chỉ là một đạo lý rất cạn cợt, chẳng có gì thâm áo cả. Mọi người đều yêu thích tiền tài, thế tiền tài từ đâu mà có? Phật nói với chúng ta, tài phú là do bố thí tài mà có. Bạn tu tài bố thí, càng tu càng nhiều.

Trung Quốc Đại Lục xem Phạm Lãi là thần Tài, vị thần Tài được mọi người thờ phụng là ai vậy? Chính là Phạm Lãi, đây là thần Tài chân thật không phải giả thần Tài. Bạn xem, Phạm Lãi giúp cho Câu Tiễn. Sau khi khôi phục đất nước, người này rất thông minh; con người của Câu Tiễn chỉ có thể cùng chung hoạn nạn, nhưng không thể cùng chung phú quý. Lúc hoạn nạn thì ông ấy là bạn tốt của bạn, đến lúc giàu sang phú quý rồi thì ông ấy liền nảy sanh hoài nghi với bạn. Phạm Lãi biết điều ấy, cho nên vừa phục quốc xong, Phạm Lãi liền bỏ trốn, liền đi mất. Ông thay tên đổi họ và mang theo Tây Thi, Tây Thi là vợ của ông. Mới đầu làm ăn buôn bán nhỏ, làm được ba năm thì phát đại tài. Phát tài lớn rồi thì sao? Ông bố thí, đem đi cứu tế chẩn bần, thảy đều bố thí sạch sẽ. Lại bắt đầu làm từ một nghề sanh kế nhỏ, ba năm sau lại phát tài. Vào được bao nhiêu thì bố thí bấy nhiêu, càng thí càng nhiều. Ông không có để dành cho mình hưởng thụ, ông đem cho những người khổ nạn bần cùng. Những người cần giúp đỡ, ông đều giúp cho hết thảy, chân thật là thần Tài.

Pháp bố thí thì được thông minh trí huệ, vô úy bố thí thì được khỏe mạnh, sống lâu. Bạn xem, người đời đều muốn ba cái thứ này. Những điều này được nói rất rõ trong kinh Phật, đó là sự thật không phải giả; nó có nhân, có quả. Tài thí là nhân, được tài phú là quả; pháp thí là nhân, được thông minh trí huệ là quả; vô úy bố thí là nhân, được khỏe mạnh sống lâu là quả. Bạn xem, Đức Phật dạy chúng ta, chỉ cần trồng nhân thì quả báo liền hiện tiền. Vì sao lại không chịu làm chứ? Tuyệt đối đừng bao giờ có cái suy nghĩ: “Tôi phải sở hữu nó, tôi phải có nó cho bằng được”, thế thì liền biến thành nghiệp. Cái nghiệp này liền có quả báo, thiện nghiệp thì liền chiêu cảm ba đường thiện, ác nghiệp thì liền chiêu cảm ba đường ác.

Đức Phật dạy chúng ta đừng bao giờ tạo ác nghiệp luân hồi, mà phải tạo Bồ Tát nghiệp. Bồ Tát nghiệp là “**làm tất cả vì chúng sanh**”, không có một thứ nào là vì chính mình. Bản thân các ngài đã vượt ra ngoài những điều đó rồi. Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế tám mươi năm, những gì mà Ngài biểu diễn cho chúng ta chính là Bồ Tát chánh nghiệp. Ngài là tấm gương tốt của chúng ta, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực, huống hồ Ngài còn dạy chúng ta: “Chân thật lìa khổ được vui”. Cho nên, giáo học của Đức Phật là dạy cái gì? Chúng ta phải biết, giáo học của Phật chỉ có một câu chính là “**lìa khổ được vui**”. Chúng sanh quá khổ rồi, không có tiền cũng khổ, không có thông minh trí huệ cũng khổ, không có sức khỏe cũng khổ. Khổ có cứu cánh khổ, cứu cánh khổ là gì? Chính là Lục đạo. Bạn vẫn chưa thoát khỏi Lục đạo, bạn liền chẳng có cách nào vĩnh viễn thoát khỏi khổ. Muốn vĩnh viễn thoát khổ, nhất định phải thoát khỏi sáu nẻo luân hồi. Sáu nẻo là do ai tạo vậy? Là do mình tạo, đó là do tất cả nghiệp thiện cùng với bất thiện tạo thành. Những nghiệp này thảy đều có nhiễm ô, nhiễm ô nghiêm trọng nhất chính là “ta”. Có “ta” liền có ô nhiễm nghiêm trọng nhất.

Cho nên, nhập môn của nhà Phật là bỏ được cái thân này thì liền nhập môn. Bạn xem Sơ quả Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa, làm sao chứng đắc được vậy? Chính là buông bỏ năm cách nhìn sai lầm thì liền chứng đắc. Năm loại sai lầm này, người thông thường đều nhìn sai cả rồi. Đầu tiên là cái thân này, cứ cho rằng thân này là ta. Phật giáo dạy cái đầu tiên chính là phải buông bỏ cách nhìn này, thân không phải ta. Vậy thân là gì? Thân là cái mà ta sở hữu. Giống như y áo vậy, cái áo này là cái mà ta sở hữu, dơ rồi thì liền đổi một chiếc khác. Cái thân này không còn sử dụng được nữa, thì liền đổi một cái thân mới, tức là đi đầu thai. Lại đến nữa rồi, cho nên thân không phải là ta. Ta là cái không sanh không diệt, còn thân thì có sanh có diệt. Có người liền nói, vậy linh hồn có phải là ta hay không? Nó cũng đi đầu thai, sau khi chết đi thì biến thành linh hồn, linh hồn sẽ đi đầu thai. Vậy linh hồn có phải là ta không? Linh hồn dường như là ta, nhưng nó vẫn chưa phải thật là ta, vì sao? Vì nó vẫn còn mê hoặc điên đảo, cái thật sự là ta sẽ không bao giờ đi đầu thai. Cái chân thật là ta thực tế mà nói, không thể gọi là linh hồn mà gọi là linh tánh. Hồn đều là mê, là mê hồn. Nó làm gì có linh? Linh thì làm gì có chuyện đi đầu thai làm ngạ quỷ, làm súc sanh kia chứ. Nó không hề linh, toàn là làm sai cả, cho nên cái này nhất định phải biết. Linh tánh mới là ta; tánh là thanh tịnh, tánh không ô nhiễm; tánh là bình đẳng, không có phân biệt.

Cho nên, Phật dạy chúng ta, tu hành ngay khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, lìa khỏi điều này thì chẳng còn nơi nào để tu nữa. Tu hành là chính ngay nơi nhân sự vật mà tu, vậy là tu cái gì? Tu không chấp trước, cái gì cũng tốt. Ngài Hải Hiền đã làm tấm gương cho chúng ta rồi, thật sự không có phân biệt, không có chấp trước. Tất cả những thứ Ngài ăn, tất cả những thứ Ngài mặc, tâm Ngài đều có thể an. Vì sao vậy? Vì Ngài đã minh bạch cái lý cả rồi. Lý đắc thì tâm liền an, tâm an chính là thứ tốt đẹp nhất. Vì sao? Nhà khoa học biết rằng, “**tất cả pháp từ tâm tưởng sanh**”, cái tâm đó của chúng ta mà tốt thì cái gì cũng tốt, ăn cũng tốt mà mặc cũng tốt. Những thứ mà chúng ta ăn, đối với người có lòng phân biệt thì ăn là ăn khổ, đối với người không có lòng phân biệt thì ăn toàn là đồ ngon. Vì sao? Vì mọi cảnh giới bên ngoài đều bị chúng ta chuyển đổi cả rồi. Người có lòng phân biệt mặc áo rách một chút thì trong lòng cũng cảm thấy rất buồn, còn người thấu suốt cho dù có mặc áo rách vẫn thấy vô cùng đẹp đẽ. Hoàn toàn không giống nhau, dùng tâm để làm chuyển đổi hoàn cảnh vật chất. Thế giới Cực Lạc vì sao lại tốt đẹp đến như vậy? Không có gì khác, chính là mỗi người đến Thế giới Cực Lạc đều là chánh niệm, không có tà niệm, không có ô nhiễm. Họ dựa vào “giác, chánh, tịnh” để vãng sanh qua bên đó. Những người vãng sanh đều là dựa vào “thanh tịnh, bình đẳng, giác” để vãng sanh, dùng ý niệm tốt nhất. Cho nên, thế giới đó được gọi là Cực Lạc. Những cư dân sống trên trái đất hiện nay, nếu như có thể hiểu rõ cái lý này, nếu như có thể thấu suốt cái lý này, chúng ta đem tất cả ý niệm thảy đều chuyển đổi trở lại, trái đất này liền biến thành Thế giới Cực Lạc. Vì thế, cần phải dạy, sự nghiệp gì là sự nghiệp vĩ đại nhất? Chính là dạy học.

Bạn xem, Thích Ca Mâu Ni Phật trong Kinh Di Đà dạy chúng ta, A Di Đà Phật ở Tây phương Thế giới Cực Lạc, kim hiện tại thuyết pháp, Ngài ở bên đó dạy học không ngừng nghỉ. Thế giới Cực Lạc rất thù thắng, Thế giới Cực Lạc không có tổ chức chính trị, không có Quốc vương, không có Tổng thống. Trong kinh này không hề nói đến những điều đó, không hề có tổ chức hành chính, thế nó có cái gì? Nó có lão sư, có học trò. Đó là một cái đại học lớn, người vãng sanh từ khắp mười phương thế giới đều đến nơi đó cầu học, lão sư là A Di Đà Phật. Bồ Tát là thuộc lớp cao cấp, A La Hán thì thuộc lớp trung cấp, còn những người ở trong vòng sáu nẻo đi vãng sanh như chúng ta thì vào lớp sơ cấp. Ba lớp này thì lớp sơ cấp thuộc vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, lớp trung cấp thì thuộc vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, còn lớp cao cấp thì ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Có một điều đặc biệt rằng, ba lớp này đều cùng học chung với nhau, thật là tuyệt diệu, cho nên nó là pháp bình đẳng. Ở bên đó không bao giờ nhìn thấy chuyện tranh hơn thua, so đo lẫn nhau. Không bao giờ thấy có chuyện đó, hoàn toàn bình đẳng, tướng mạo cũng giống y hệt nhau.

Chút nữa chúng ta có thể xem đến đoạn: “**Thể chất bình đẳng, đều là thân tử ma chân kim sắc**”, tướng hảo thì viên mãn đến tột bậc. Thân của A Di Đà Phật có tám vạn bốn ngàn tướng. Mỗi một tướng thì có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp, trong mỗi vẻ đẹp lại phóng ra tám vạn bốn ngàn ánh quang, trong mỗi luồng quang đều có thể thấy chư Phật Bồ Tát. Ở nơi đó giảng kinh dạy học, toàn bộ vũ trụ đều được nhìn thấy từ trên thân của Ngài. Vả lại, tuy rằng có ba loại vãng sanh, có Thiên nhân, có Nhị thừa, có Bồ Tát. Có ba hạng người này nhưng trên thực tế, A Di Đà Phật dùng nguyện lực, dùng bốn mươi tám nguyện đưa ba hạng người này đều xếp ngang nhau. Sự việc này không hề có ở hết thảy cõi nước chư Phật ở mười phương, chỉ cõi Cực Lạc có. Về điểm này chúng ta phải biết, đây là A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ dạy chúng ta, đời này phải chọn Thế giới Cực Lạc.

Bất luận tu pháp môn gì cũng không quan trọng, chỉ cần mục tiêu phương hướng của ta là Thế giới Cực Lạc, là thân cận với A Di Đà Phật. Trong kinh này đã nói rất rõ ràng, người chuyên tu có thể vãng sanh, mà người không chuyên tu cũng có thể vãng sanh. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Trong hết thảy kinh Phật đều không có cách nói này, chỉ có mình kinh này đặc thù. Điều kiện vãng sanh của Ngài có bốn chữ: “**Tín**...”, tức là không có chút mảy may nghi ngờ nào, là chân tín. Chân “**nguyện**” là một lòng một dạ mong muốn cầu sanh Thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Có cái “tín, nguyện” này, liền đạt được điều kiện vãng sanh. Đến Thế giới Cực Lạc, phẩm vị cao hay thấp đều là do công phu “**niệm Phật**” của bạn sâu hay cạn. Như phần trước chúng ta có nói, nếu như niệm Phật đến công phu thành phiến thì sẽ vãng sanh đến cõi Đồng Cư; niệm đến sự nhất tâm bất loạn thì vãng sanh về cõi Phương Tiện; niệm đến lý nhất tâm bất loạn thì vãng sanh vào cõi Thật Báo. Đây là sự thật, trên kinh đã nói rất rõ ràng rồi. Nhưng trong bốn mươi tám nguyện có nói rõ, tuy rằng có sự phân chia nhưng trên thực tế, cõi Đồng Cư lẫn cõi Phương Tiện nhờ được bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì; trí huệ thần thông đạo lực của họ đều giống như Pháp thân Bồ Tát ở cõi Thật Báo, không hề khác biệt; họ đều đạt được, đều thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cái này thì không thể tưởng tượng nổi!!!

Hay nói cách khác, sanh đến Thế giới Cực Lạc cho dù là hạ hạ phẩm vãng sanh, nhưng một khi đến Thế giới Cực Lạc, tất cả những gì mà bạn hưởng thụ đều là đãi ngộ của bậc thượng thượng phẩm. Chúng ta tin tưởng, Phật không nói suông. Lời của Phật là lời chân thành, không bao giờ gạt người; không chỉ nói để nhằm mê hoặc chúng ta, mà là chân tướng sự thật. Chúng ta phải tin tưởng, chúng ta phải tranh thủ ngay trong đời này phải siêu thoát Lục đạo luân hồi; không còn làm luân hồi nữa, không còn làm những chuyện ngu xuẩn này nữa; tất cả đều muốn chiếm hết cho riêng mình chính là việc làm ngu xuẩn, không có chính mình. Bạn ở tại thế gian này, tất cả đều tùy duyên. Nếu thực sự có thể tất cả đều tùy duyên, hết thảy Phật Bồ Tát sẽ đến an bài cho bạn. Bản thân mình chẳng cần bận tâm, Bồ Tát sẽ giúp chúng ta an bài. Thuận cảnh thì thuận chịu mà nghịch cảnh cũng phải thuận chịu, đều hoan hỉ vui vẻ. Thuận cảnh không tham luyến, nghịch cảnh không oán hận, vĩnh viễn tâm luôn là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” là được. Đây mới thật là chân tu hành. Thời thời khắc khắc pháp hỷ sung mãn, trong tâm dù lúc đi đứng nằm ngồi, chỉ có một câu “A Di Đà Phật”. Ngoại trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng không có.

Bản Hội tập này, quả thật khó được tất cả những điều trọng yếu trong năm loại nguyên bổn dịch. Toàn bộ đều nằm hết ở trong này, không hề bỏ sót một điều nào: **Mười Niệm Vãng Sanh, Liên Hoa Hóa Sanh, Nước Không Nữ Nhân, đều được thấy ghi trong Hội bản. Cụ còn khéo chọn lấy những điểm tinh yếu của các nguyện**. Cụ Hoàng Niệm đem phần Kinh văn rất dài đó, trong năm loại nguyên bổn dịch đều tinh giản bớt đi. Cụ dùng câu chữ ngắn gọn nhất nhưng có thể giữ trọn ý nghĩa của nó, đây là “**lời ít nhưng nghĩa nhiều**”. Chẳng hạn như, phần tiếp theo có đưa ra ví dụ: Trong bản Ngụy dịch nguyện thứ ba mươi tám, bạn xem nguyện văn của nó: “**Ví như tôi thành Phật, trời, người trong nước muốn có y phục, nghĩ đến liền có, tự nhiên trên thân khoác áo đẹp đúng theo pháp như Phật đã khen ngợi; nếu còn phải cắt, may, đập, nhuộm, giặt giũ, chẳng lấy ngôi Chánh Giác**”, Kinh văn dài như vậy. Nguyện thứ hai mươi bốn: “**Nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi khi ở trước chư Phật hiển hiện cội đức của mình; nếu những vật họ muốn có để cúng dường, chẳng được như ý thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác**”.

Cả hai nguyện trên của bản Ngụy dịch, nói đến “y phục và vật cúng như ý” nhưng chẳng nói đến “cơm ăn như ý”. Nguyện hai mươi ba của bản Hán dịch (nguyện thứ hai mươi bốn trong bản Ngô dịch) là: “**Lúc tôi thành Phật, các Bồ Tát trong nước tôi lúc muốn ăn**”, tức là khi muốn dùng bữa, “**thì tự nhiên sanh ra, cơm trăm vị trong bát bằng bảy báu hiện ra trước mặt; ăn xong, bát tự nhiên biến mất; nếu chẳng được vậy, tôi chẳng làm Phật**” (do đây, ta càng thấy rõ bản Ngụy dịch thật sự chẳng đủ bốn mươi tám nguyện).

Trong Hội bản, cả ba nguyện này cùng được tổng hợp lại như sau: “**Lúc tôi thành Phật, người sanh nước tôi, thức ăn, y phục, các thứ vật cúng cần dùng đều tùy ý hiện đến, không chi chẳng được**”. Đoạn Kinh văn này đơn giản, đem những phần trước đều dung hợp hết vào trong này. “**Hiển nhiên, Hội bản văn ngắn gọn, ý nghĩa súc tích**”, thật sự hội tập được quá tốt. **“Các nguyện thù thắng của Phật Di Đà ghi trong các bản dịch đã được nêu đủ không còn sót. Vì vậy, Hội bản này được các bậc hiền đức cận đại công nhận là bản hoàn thiện nhất thì cũng là điều rất hợp lý vậy**”. Mấy câu này là lời của cụ Hoàng Niệm, cũng là lời thật. Bản Chú giải này khi mới xuất hiện, có một số đại đức xuất gia lẫn tại gia xem thấy đều tán thán, quả thật là một quyển sách tốt, chúng ta bởi vì muốn mọi người sanh khởi lòng tin. Nên đặc biệt đem Kinh văn năm loại nguyên bổn dịch của Kinh Vô Lượng Thọ, bản Hội tập của Vương Long Thư, bản Hội tập của Ngụy Mặc Thâm và bản tiết hiệu của cư sĩ Bành Nhị Lâm; ngoài ra còn có bản Hội tập của Hạ lão, tổng cộng chín bản cho in thành một bản, để mọi người có thể xem được hết tất các bản. Chín loại đều ở ngay trước mắt của bạn, dùng bất cứ một quyển nào đều có thể vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Không có cao thấp, vì sao vậy? Điều kiện vãng sanh chỉ là “**tín, nguyện, trì danh**”. Câu này thì đều có trong mỗi nguyên bản dịch, đều có đề xướng. Còn như bạn muốn học, bạn cứ tự mình xem; xem coi bạn thích bản nào thì cứ chọn lấy bản ấy, không cần thiết phải trọng bên này khinh bên kia, không cần thiết phải đi phê bình làm gì. Quyển nào cũng đều tốt cả, vì đều là lời Phật thuyết. Phật năm đó thuyết pháp không phải chỉ thuyết một lần mà là nhiều lần.

Chúng ta nên biết, Đức Phật thuyết pháp không có bản thảo, cũng không có bản đại ý, mà hoàn toàn là từ trong tự tánh của Đức Phật lưu xuất ra. Vậy tại sao lại có nhiều chỗ không đồng đến như vậy? Do thính chúng khác nhau. Do thời tiết nhân duyên không đồng, địa điểm cũng khác nên cách thuyết pháp của Phật liền khác đi. Chẳng hạn như chúng ta ở nơi này học tập Kinh Vô Lượng Thọ, ở Hồng Kông thì học như vậy, nhưng đến Trung Quốc Đại Lục thì liền khác, bạn đến Nhật Bản thì lại không giống được nữa rồi. Ra nước ngoài, đến một quốc gia nào đó, văn hóa của người dân của bất kỳ một quốc gia nào thì cách nhìn và cách nghĩ của họ đều khác nhau. Nếu như bạn không nhân nhượng, cả nể họ, họ sẽ không thể tiếp nhận. Cho nên, Phật vì sao lại tuyên thuyết nhiều lần đến như vậy, đạo lý chính là ở ngay chỗ này. Đất nước Ấn Độ rất rộng lớn, thời kỳ đó chưa được đoàn kết, có rất nhiều quốc gia nhỏ, giống như thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Quốc vậy. Ở một khu vực nào, thì phải phù hợp với đời sống văn hóa của người dân ở khu vực đó. Mọi mặt đều phải suy nghĩ, đều phải chăm lo đến. Nó tự nhiên liền không giống, đây là điều mà chúng ta phải nên thể hội được.

Cho nên, khi kết tập Kinh tạng phải hội tập lại là điều chính xác. Tạng kinh của chúng ta là do được phiên dịch lại từ Phạn văn. Khi phiên dịch có hội tập hay không? Có, quyển đầu tiên chính là bản Hội tập. Trong quyển đầu tiên thảy đều là lời Phật thuyết, nhưng đó không phải thuộc cùng một bộ kinh. Tứ Thập Nhị Chương Kinh là từ trong các bộ kinh thuộc Đại - Tiểu thừa, tiết lục ra hai mươi bốn đoạn, đó chính là bản Hội tập. Cho nên có người đề xướng không thể hội tập, đây là cách nhìn riêng của bản thân họ mà thôi. Trên thực tế, pháp sư khi phiên dịch kinh điển sớm đã dùng phương pháp hội tập này rồi, thời xưa gọi là hợp kinh, hợp các kinh lại với nhau gọi là hợp kinh, chính là bản Hội tập của bây giờ. Đây là giới thiệu tựa đề của cái phẩm này.

Phần sau là phần Kinh văn chính thức, chúng ta xem Kinh văn, trần thuyết thỉnh thính (nghĩa là trần thuật và lắng nghe). Đức Phật dặn dò Bồ Tát Pháp Tạng, đem kinh nghiệm tu học của Ngài báo cáo với đại chúng. “**Pháp Tạng bạch rằng: Kính xin đức Thế Tôn đại từ nghe xét**”, Chú giải của Niệm lão có giải thích: “**Nghe là tai nghe, xét là trong tâm suy xét. Sách hội sớ giảng: Như Lai nghe Ngài trình bày, soi xét tấm lòng son nên bảo là nghe xét. Như vậy câu kinh trên có nghĩa là Pháp Tạng Bồ Tát thỉnh cầu Thế Tôn rủ lòng thương xót mình, nghe lời mình thưa, soi xét tấm lòng thành của mình**”.

Tiếp theo là phần Pháp Tạng Bồ Tát trần thuật lại đại nguyện mà mình đã phát, đây chính là Bổn Kinh Hội Tập, hai mươi bốn chương, bốn mươi tám nguyện. Đem tất cả các nguyên bổn dịch, toàn bộ đều hợp hết ở trong này, phần đầu là tổng thuyết: “**Nếu tôi chứng được Vô Thượng Bồ Đề thành Chánh Giác rồi, thì cõi nước tôi ở sẽ đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn**”. Câu này là tổng thuyết, bốn câu đầu bao trùm các đại nguyện, tức là bốn mươi tám nguyện. “**Nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi ngự có đầy đủ vô lượng** (không thể dùng số lượng nào biểu thị nổi) **công đức thắng hiệu**”, ý là công đức thù thắng vi diệu, “**đầy đủ vô lượng thanh tịnh trang nghiêm**”. Câu tổng thuyết này rất quan trọng, vì sao? Vì nó quả thật có thể giúp cho chúng ta phát khởi, chúng ta phát cái tâm hướng về mong cầu vãng sanh Thế giới Cực Lạc. “Đầy đủ” có nghĩa là viên mãn, “**đầy đủ vô lượng thanh tịnh trang nghiêm**” tức là viên mãn vô lượng thanh tịnh trang nghiêm. “**Chứa đựng trọn vẹn, không khuyết, không sót, nên bảo là đầy đủ**”, chữ “đầy đủ” này ý muốn nói, vô lượng vô biên cõi nước chư Phật khắp mười phương ba đời, tất cả những điều đẹp đẽ chân thiện ở trong này, Tỳ kheo Pháp Tạng toàn bộ đều chọn lấy. Còn những chỗ khiếm khuyết trong cõi nước chư Phật, Ngài toàn bộ đều bỏ đi.

Chúng ta trong phần nguyện văn này đều có thể thấy được, giống như thế giới của chúng ta, đương nhiên Ngài cũng có xem qua. Thế giới này có ba đường ác, có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, có a tu la, có la sát; có muôn vàn điều ô nhiễm bất thiện, Ngài toàn bộ đều bỏ đi. Những điều tốt đẹp ở thế gian chúng ta như giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, có giáo dục nhân quả, giáo dục Thánh hiền; cái này tốt, cái này thiện nên Thế giới Cực Lạc đều có tất cả. Cho nên, nguyện đầu tiên của Ngài chính là: “**Cõi nước không có ác đạo**”. Rất nhiều cõi nước của chư Phật đều tương tự như cõi nước của chúng ta, tức là đều có sáu nẻo, đều có Thập pháp giới. Cõi nước Phật thanh tịnh không có sáu nẻo với Thập pháp giới, trên đời này có cõi nước như vậy không? Có, nhưng không nhiều, đa số vẫn là cõi nước tương tự như nơi này của chúng ta vậy. Cho nên, điều này chúng ta nhất định phải biết.

Sau đó, vì sao phải chọn lựa Thế giới Cực Lạc? Điều này cực kỳ quan trọng. “**Đầy đủ chứa đựng trọn vẹn, không khuyết, không sót**”, đây được gọi là đầy đủ. “**Những công đức trang nghiêm đầy đủ ấy đều chẳng thể nghĩ bàn, siêu tình ly kiến**”, đây chẳng phải là điều phàm phu như ta có thể tưởng tượng được. “**Chẳng thể suy lường, phân biệt mà biết được nổi; chẳng thể dùng ngôn ngữ, văn từ mà diễn tả nổi, nên bảo là chẳng thể nghĩ bàn”, “chỉ mình Kinh Hoa Nghiêm nói đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn sự sự vô ngại, một tức là nhiều, nhiều tức là một, lớn nhỏ dung chứa lẫn nhau; rộng hẹp tự tại, kéo dài hay rút gọn cùng một lúc; trùng trùng vô tận, viên minh cụ đức v.v...”**, nói một cách tỉ mỉ thì chính là Thập huyền môn của Kinh Hoa Nghiêm.

Trong phần Phán giáo của những phần trước đã từng nói qua cả rồi. Trong kinh này, A Di Đà Phật chính là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Cực Lạc Tịnh độ nào khác Hoa Tạng thế giới, toàn thể y báo, chánh báo cõi Cực Lạc là cảnh giới “sự sự vô ngại chẳng thể nghĩ bàn”. Thứ nào cũng trọn vẹn đầy đủ vô tận huyền môn, nên nói là đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Do đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, nên có thể khiến cho chúng sanh nghe tên được phước, nghe tên phát tâm; mười niệm ắt được vãng sanh, mau chứng ngôi bất thối. Câu câu đều là lời thật, cho nên chúng ta trong đời này hết sức may mắn có được thân người, lại gặp được Phật pháp; có thể gặp được Tịnh tông, gặp được bản Hội tập của Tịnh tông và tập Chú giải này. Thực tế là vô cùng hy hữu khó được, nhất định phải nắm chắc lấy cơ hội này, quyết định không được buông lơi; vãng sanh Thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. “**Thành Phật là chuyện thật**”, câu nói này của Hiền công, chúng ta phải ghi nhớ. Những cái khác toàn là giả, đã là giả thì tùy duyên là được, đừng có nghiêm túc quá. Nghiêm túc quá thì liền sanh phiền não, thế thì sai rồi!

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật**.